

CÔNG TY TNHH TNT MOLD TECH VINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TNT MOLD TECH VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TNT MOLD TECH VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TNT MOLD CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400876324

3. Ngày thành lập: 22/11/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đạo Ngạn 1, Đạo Ngạn 2, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0358856516

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
2.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
3.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
4.	In ấn (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	1811
5.	Dịch vụ liên quan đến in (Chi tiết: Dịch vụ in tem, nhãn, thẻ bài các loại)	1812
6.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
7.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
8.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
9.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
10.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
11.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
12.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
13.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
14.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
15.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
16.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
17.	Đúc sắt, thép	2431
18.	Đúc kim loại màu	2432

19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
21.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
22.	Sản xuất vũ khí và đạn dược	2520
23.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
25.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
26.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
27.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
28.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
29.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
30.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
31.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
32.	Sản xuất đồng hồ	2652
33.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
34.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
35.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
36.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
37.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
38.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
39.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
40.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
41.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
42.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
43.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
44.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
45.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
46.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
47.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
48.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
49.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
50.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
51.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
52.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821

53.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
54.	Sản xuất máy luyện kim	2823
55.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
56.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
57.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
58.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
59.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
60.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
61.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
62.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
63.	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan	3030
64.	Sản xuất xe cơ giới chiến đấu dùng trong quân đội	3040
65.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
66.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
67.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
68.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
69.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
70.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
71.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
72.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
73.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
74.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
75.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
76.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
77.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
78.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
79.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
80.	Lập trình máy vi tính	6201
81.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
82.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
83.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá hàng hóa)	4511
84.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
85.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

86.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá hàng hóa)	4530
87.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá hàng hóa)	4541
88.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
89.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đấu giá hàng hóa)	4543
90.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ đấu giá hàng hóa)	4649
91.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ đấu giá hàng hóa)	4651
92.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ đấu giá hàng hóa)	4652
93.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (Trừ đấu giá hàng hóa)	4653
94.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ đấu giá hàng hóa)	4659
95.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn dầu nhớt, mỡ nhớt, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác)	4661
96.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ đấu giá hàng hóa)	4662
97.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Trừ đấu giá hàng hóa)	4663
98.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (Trừ đấu giá hàng hóa))	4669
99.	Bán buôn tổng hợp (Trừ đấu giá hàng hóa)	4690
100.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	4730
101.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
102.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
103.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
104.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
105.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ (Trừ đấu giá hàng hóa)	4783

106.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ đầu giá hàng hóa)	4784
107.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đầu giá hàng hóa)	4791
108.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu (Trừ đầu giá hàng hóa)	4799
109.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
110.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
111.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
112.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
113.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
114.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
115.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
116.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
117.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
118.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
119.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
120.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
121.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
122.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
123.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
124.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
125.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
126.	Cho thuê xe có động cơ	7710
127.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
128.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7810
129.	Cung ứng lao động tạm thời (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7820
130.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7830
131.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu (Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh)	8299

6. Vốn điều lệ: 2.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG CÔNG NINH	Xóm 3, Châm Khê, Phường Phong Khê, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	800.000.000	32,000	125132533	
2	NGUYỄN VIỆT THAO	P2305-CT1B, KĐT Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	800.000.000	32,000	024082000224	
3	NGUYỄN DANH THẠO	Thôn Đình Cả, Xã Quảng Minh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	900.000.000	36,000	121406540	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN DANH THẠO

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121406540

Ngày cấp: 17/10/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đình Cả, Xã Quảng Minh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đình Cả, Xã Quảng Minh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang